

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---***---

Bản án số: 28A/2017/HSST

Ngày: 05/6/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đức Tuấn.

2/ Trần Xuân Hòa.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang Vân - Cán bộ tòa án.

- *Đại diện VKSND huyện Khoái Châu:* Bà Lê Thị Chung - KSV.

Hôm nay ngày 05/6/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2017/HSST ngày 27/4/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/HSST-QĐXX ngày 12/5/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị M, sinh năm 1952; Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Trình độ văn hóa: 07/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông C (đã chết) và con bà H (đã chết); Có chồng là N (đã chết) và có 04 con, con lớn sinh năm 1976, con nhỏ sinh năm 1985. Tiền án, tiền sự: chưa có; Nhân thân: Ngày 09/5/2012, bị xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (Có mặt tại phiên tòa).

Những người làm chứng:

1/ Anh V, sinh năm 1998;

2/ Anh A, sinh năm 1997.

Đều trú tại: thôn C, xã Y, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Đều vắng mặt).

3/ Anh H, sinh năm 1976;

Trú tại: thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt).

4/ Ông S, sinh năm 1962.

Trú tại: thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 28/11/2016, tại nơi ở của M, sinh năm 1952 ở thôn B, xã T, huyện K, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu kết hợp với Công an xã T bắt quả tang M đang bán các số lô, số đề cho A, sinh năm 1997 và V, sinh năm 1998 đều ở thôn C, xã Y, huyện K với tổng số tiền 5.600.000đ. Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ của M số tiền

5.600.000đ, 01 bảng ghi số lô, số đề ngày 28/11/2016 bằng loại giấy vở học sinh kích thước (9×24cm), 01 bút mực màu đen, 01 máy tính cầm tay nhãn hiệu Casio; thu giữ của V và A 02 cặp đề đều có chữ kí của M do A và V tự nguyện giao nộp. Cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành khám khẩn cấp nơi ở của M nhưng không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì.

Hình thức mua bán số lô, số đề được thể hiện như sau: Khi có người mua thì M ghi các số lô, số đề vào mảnh giấy nhỏ (cấp đề) và ký tên ở phía dưới đưa cho những người mua giữ. Sau đó M ghi các số lô, số đề bán được vào một tờ giấy để theo dõi, so sánh kết quả. Người mua lấy kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng lúc 18 giờ 15 phút trong ngày đối chiếu các số lô, số đề để so sA. Số đề là hai số của giải đặc biệt, nếu trúng thì người mua được gấp 70 lần so với số tiền đã bỏ ra mua. Số lô là 02 số cuối của tất cả các giải, nếu trúng thì người mua sẽ được 80.000 đồng/01 điểm lô, 01 điểm lô có giá trị 23.000đ. M là người trực tiếp thanh toán số tiền nếu người chơi trúng. Sau khi thanh toán nếu còn thừa số tiền trong ngày thì M sẽ được hưởng, nếu thiếu thì M phải tự bỏ ra trả cho người chơi.

Ngày 06/01/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu đã Quyết định trưng cầu giám định tài liệu là chữ ký, chữ viết và chữ số trên 01 tờ giấy kẻ có kích thước (9×24cm), 02 cặp đề phía trên có in lô gô màu hồng kích thước giống nhau (7×10cm) thu giữ của A và V với tài liệu so sánh là 02 bản tự khai có ghi chữ viết và chữ ký của M.

Tại kết luận số 55/PC54 ngày 16/01/2017, của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Chữ viết (gồm cả chữ cái và số tự nhiên), chữ ký là do cùng một người viết và ký ra.

Quá trình điều tra cũng xác định: Tại mặt sau của tờ giấy ghi số lô, số đề M khai đã bán số lô, số đề cho một số người chơi không nhớ rõ tên, tuổi, địa chỉ vào ngày 27/11/2016 được số tiền là 1.229.000 đồng. Đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng ngày 27/11/2016, người chơi đã trúng các số lô với số tiền là 1.120.000đ. Do đó, số tiền mà M sử dụng vào mục đích đánh bạc bạc là 2.349.000đ. Ngày 23/3/2017, Công an huyện Khoái Châu đã Quyết định xử phạt hành chính đối với M về hành vi đánh bạc ngày 27/11/2016 vì không cấu thành tội đánh bạc. Trong ngày 28/11/2016, M còn ghi số lô, số đề cho một số người chơi khác nhưng M không biết tên, địa chỉ cụ thể của họ được số tiền là 451.000 đồng, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không rõ được những đối tượng này nên không có căn cứ để xử lý.

Quá trình điều tra M đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số: 29/QĐ-VKS-HS, ngày 26 tháng 04 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố: Nguyễn Thị M về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 - Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo M đã thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải và thừa nhận hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề cho A và V để thu lợi từ người chơi.

Những người làm chứng là anh A, V và ông S đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có

lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 192 của BLTTHS vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Anh Đ trình bày: Mẹ anh là bà M đã già, thường xuyên đau nhức xương nên nhờ anh đi nộp tiền theo quyết định xử phạt hành chính năm 2012, nhưng do công việc đồng áng bận anh không nhớ và cũng không thấy cơ quan nào đôn đốc. Vì vậy cho đến nay anh chưa thực hiện việc nộp tiền xử phạt hành chính cho mẹ anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với Nguyễn Thị M về tội đánh bạc và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 41; khoản 1, 2 Điều 60 của BLHS; điểm c, đ khoản 2 Điều 76 – BLTTHS; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; khoản 3 Điều 7 BLHS 2015; điểm x khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321 của BLHS 2015; khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị M từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo M cho UBND xã T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 5.600.000đ; Truy tịch thu của bị cáo M số tiền 451.000đ để sung công quỹ Nhà nước; Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc bút vỏ màu trắng đen, mực màu đen và 01 máy tính cầm tay nhãn hiệu Casio.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận bán số lô, số đề cho A và V vào ngày 28/11/2016. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người làm chứng là anh A, anh V và ông S. Do vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 28/11/2016, Nguyễn Thị M đang ghi số lô, số đề cho A và V ở thôn C, xã Y, huyện K với tổng số tiền 5.600.000đ thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu và Công an xã T phát hiện bắt quả tang cùng toàn bộ số vật chứng có liên quan. Ngoài ra M còn bán số lô, số đề trong ngày 28/11/2016 được số tiền 451.000đ. Như vậy, tổng số tiền M

sử dụng vào việc đánh bạc được xác định là 6.051.000đ. Do đó bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 của BLHS.

Đối với hành vi của V và A xác định: A và V chưa bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc. Khi bị bắt quả tang là trước khi có kết quả xổ số Miền Bắc nên căn cứ vào tiết b điểm 5.1 khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 hướng dẫn Điều 248, Điều 249 BLHS thì số tiền mà V dùng để đánh bạc xác định là 2.300.000 đồng và A dùng để đánh bạc xác định là 3.300.000 đồng. Căn cứ Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 và quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS 2015 để đối chiếu quy định tại Khoản 1 Điều 248 của BLHS sửa đổi, bổ sung năm 2009 và khoản 1 Điều 321 của BLHS 2015 thì hành vi của A và V không cấu thành tội đánh bạc nên Công an huyện Khoái Châu đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với A và V về hành vi đánh bạc là đúng pháp luật.

Bị cáo M là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đánh bạc trái phép dưới hình thức mua bán số lô, số đề được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, vì ham muốn đồ đen bị cáo vẫn thực hiện hành vi đánh bạc của mình. Bị cáo thừa nhận là người trực tiếp thu tiền, ghi số đề và thanh toán tiền trúng thưởng cho người chơi.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an ninh ở địa phương, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện phát triển kinh tế cũng như cuộc sống hạnh phúc của nhiều gia đình. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, làm sa sút kinh tế, tha hóa con người, gây nên sự bức xúc, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, bị cáo cần bị xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng sẽ áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 - Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13; Nghị Quyết số 144/2016/QH13, ngày 29 tháng 6 năm 2016; Công văn số 276/TANDTC-PC, ngày 13/9/2016 hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015. Vì vậy, HĐXX cũng sẽ cân nhắc để có mức hình phạt thỏa đáng, đúng tinh thần của các văn bản, điều luật nói trên.

Xét về nhân thân của bị cáo: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 74/QĐ-XPHC, ngày 09/5/2012 của Công an huyện Khoái Châu đã xử phạt bị cáo M số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc, cho đến nay bị cáo vẫn chưa thi hành. Tuy nhiên, qua xác minh tại cơ quan có thẩm quyền thì thấy rằng bị cáo không cố tình trốn tránh, trì hoãn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nói trên, cơ quan có thẩm quyền thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính cũng không đôn đốc, cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo M. Do vậy, đối chiếu với Điều 7 và Điều 74 của Luật xử lý vi phạm hành chính thì đã quá một năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nên bị cáo M đã được xóa tiền sự nêu trên coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng điểm h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999. Ngoài ra, anh trai bị cáo là X, Z là liệt sĩ vì vậy mẹ bị cáo là bà H được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Nên bị cáo M còn được áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Sau khi xem xét nhân thân, diễn biến vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo M có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999 và khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng. Nên chỉ cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 60 – BLHS năm 1999 cho bị cáo được hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo việc giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện khai báo theo khoản 1 Điều 69 – Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung:

Xét bị cáo đã hết tuổi lao động nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng trong vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ được một số vật chứng sau: Thu của M số tiền 5.600.000đ, 01 bảng ghi sổ lô, sổ đề ngày 28/11/2016 bằng loại giấy vở học sinh kích thước (9×24cm), 01 bút mực vở trắng đen, mực màu đen, 01 máy tính cầm tay nhãn hiệu Casio; thu giữ của V và A 02 cặp đề đều có chữ kí của Nguyễn Thị M.

Vì vậy cần áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999; điểm c, d khoản 2 Điều 76 – BLTTHS để xử lý vật chứng như sau:

Đối với 01 bảng ghi sổ lô, sổ đề ngày 28/11/2016 bằng loại giấy vở học sinh kích thước (9×24cm) thu giữ của M và 02 cặp đề thu giữ của V và A đều có chữ kí của M thì được lưu tại hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 5.600.000đ là số tiền M sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 451.000đ được sử dụng vào mục đích đánh bạc mà bị cáo M đã dùng để tiêu xài cá nhân thì cần truy, tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bị cáo M chậm thi hành khoản tiền truy thu nói trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 – BLDS năm 2015.

Đối với 01 bút vở màu trắng đen, mực màu đen và 01 máy tính cầm tay nhãn hiệu Casio là vật chứng trong vụ án nhưng không có giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Về án phí: Cần buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 99 – BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của BLHS năm 1999; khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự; Điều 357 của BLDS năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; khoản 3 Điều 7 BLHS 2015; điểm x khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321 của BLHS 2015. Xử phạt: Nguyễn Thị M 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/6/2017).

Giao bị cáo M cho UBND xã T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo M.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 của BLHS năm 1999; điểm c, đ khoản 2 Điều 76 của BLTTHS.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 bút bi vỏ màu trắng đen, mực màu đen và 01 máy tính cầm tay nhãn hiệu Casio. (Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 23/QĐ-KSĐT, ngày 26/4/2017).

Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.600.000đ (năm triệu sáu trăm nghìn đồng) hiện đang có trong tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu tại kho bạc Nhà nước huyện Khoái Châu.

Truy tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 451.000đ (bốn trăm năm mươi một nghìn đồng) đối với M.

Trường hợp bị cáo M chậm thi hành khoản tiền truy thu nói trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 – BLDS năm 2015.

4. Án phí: Áp dụng Điều 99 – BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/6/2017).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái châu;
- Công an huyện Khoái Châu;
- Chi Cục T.H.A dân sự huyện KC;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Thu Hương